

THỜI KHÓA BIỂU LÝ THUYẾT (dạng danh sách)
ĐẠI HỌC CHÍNH QUY VÀ CỬ NHÂN TÀI NĂNG, HỌC KỲ 1, NĂM HỌC 2026 - 2027

Thời gian học 15 tuần:
Khóa 2023,2024 và 2026: Bắt đầu từ ngày 14/09/2026, kết thúc 03/01/2027
Khóa 2025: Bắt đầu từ ngày 28/09/2026, kết thúc 17/01/2027

Địa điểm học: cs1-227 NVC (cs1), cs2-KĐT ĐHQG (cs2), Nhà điều hành-KĐT ĐHQG (NDH)

Giờ BD - Giờ KT (NVCừ)	Tiết (NVCừ)	Tiết (KĐT ĐHQG)	Giờ BD - Giờ KT (KĐT ĐHQG)
07:00 - 07:50	1		
07:50 - 08:40	2	1	07:30 - 08:20
08:40 - 09:30	3	2	08:20 - 09:10
09:40 - 10:30	4	3	09:10 - 10:00
10:30 - 11:20	5	4	10:10 - 11:00
11:20 - 12:10	6	5	11:00 - 11:50
12:50 - 13:40	7	6	12:40 - 13:30
13:40 - 14:30	8	7	13:30 - 14:20
14:30 - 15:20	9	8	14:20 - 15:10
15:30 - 16:20	10	9	15:20 - 16:10
16:20 - 17:10	11	10	16:10 - 17:00
17:10 - 18:00	12		

STT	Lớp	Mã Lớp PDT	Mã HP	Tên HP	GV Lý thuyết	GV Trợ giảng	Cơ sở	Lịch học	Phòng học	Số SV ĐKHP	Hủy	BMQL	Số tiết
1	CQ2023/1	23_1	CSC12005	Phát triển ứng dụng hệ thống thông tin hiện đại			cs2-KĐT ĐHQG	T7 1-4				HTTT	45 LT + 30 TH
2	CQ2023/1	23_1	CSC12106	Tương tác người – máy			cs2-KĐT ĐHQG	T2 6-9				HTTT	45 LT + 30 TH
3	CQ2023/1	23_1	CSC12107	Hệ thống thông tin phục vụ trí tuệ kinh doanh			cs2-KĐT ĐHQG	T3 2-5				HTTT	45 LT + 30 TH
4	CQ2023/21	23_21	CSC14002	Các hệ cơ sở tri thức			cs2-KĐT ĐHQG	T4 1-4				KHMT	45 LT + 30 TH
5	CQ2023/21	23_21	CSC14112	Sinh trắc học			cs2-KĐT ĐHQG	T3 6-9				KHMT	45 LT + 30 TH
6	CQ2023/21	23_21	CSC14114	Ứng dụng dữ liệu lớn			cs2-KĐT ĐHQG	T2 6-9				KHMT	45 LT + 30 TH
7	CQ2023/21	23_21	CSC14117	Nhập môn lập trình kết nối vạn vật			cs2-KĐT ĐHQG	T7 6-9				KHMT	45 LT + 30 TH
8	CQ2023/21	23_21	CSC14120	Lập trình song song			cs2-KĐT ĐHQG	T2 1-4				KHMT	45 LT + 30 TH
9	CQ2023/22	23_22	CSC15001	An ninh máy tính			cs2-KĐT ĐHQG	T3 6-9				CNTT	45 LT + 30 TH
10	CQ2023/22	23_22	CSC15009	Xử lý tín hiệu số			cs2-KĐT ĐHQG	T7 1-4				CNTT	45 LT + 30 TH
11	CQ2023/22	23_22	CSC15010	Blockchain và ứng dụng			cs2-KĐT ĐHQG	T5 1-4				CNTT	45 LT + 30 TH
12	CQ2023/22	23_22	CSC15011	Nhập môn ngôn ngữ học thống kê và ứng dụng			cs2-KĐT ĐHQG	T6 6-9				CNTT	45 LT + 30 TH
13	CQ2023/22	23_22	CSC15102	Phân tích mạng xã hội			cs2-KĐT ĐHQG	T4 7-10				CNTT	45 LT + 30 TH
14	CQ2023/22	23_22	CSC15104	An toàn và phục hồi dữ liệu			cs2-KĐT ĐHQG	T3 2-5				CNTT	45 LT + 30 TH
15	CQ2023/22	23_22	CSC15106	Seminar Công nghệ tri thức			cs2-KĐT ĐHQG	T7 6-9				CNTT	45 LT + 30 TH
16	CQ2023/22	23_22	CSC15107	Phân tích dữ liệu bảo toàn tính riêng tư			cs2-KĐT ĐHQG	T6 1-4				CNTT	45 LT + 30 TH

STT	Lớp	Mã Lớp PDT	Mã HP	Tên HP	GV Lý thuyết	GV Trợ giảng	Cơ sở	Lịch học	Phòng học	Số SV ĐKHP	Hủy	BMQL	Số tiết
17	CQ2023/23	23_23	CSC16002	Phương pháp toán trong phân tích dữ liệu thị giác			cs2-KĐT ĐHQG	T4 1-4				TGMT	45 LT + 30 TH
18	CQ2023/23	23_23	CSC16102	Kỹ thuật lập trình xử lý ảnh số và video số			cs2-KĐT ĐHQG	T4 6-9				TGMT	45 LT + 30 TH
19	CQ2023/23	23_23	CSC16106	Nhập môn lập trình điều khiển thiết bị thông minh			cs2-KĐT ĐHQG	T3 1-4				TGMT	45 LT + 30 TH
20	CQ2023/23	23_23	CSC16107	Ứng dụng thị giác máy tính			cs2-KĐT ĐHQG	T3 6-9				TGMT	45 LT + 30 TH
21	CQ2023/23	23_23	CSC16114	Học sâu trong thị giác máy tính			cs2-KĐT ĐHQG	T5 1-4				TGMT	45 LT + 30 TH
22	CQ2023/24	23_24	CSC17103	Khai thác dữ liệu đồ thị			cs2-KĐT ĐHQG	T6 6-9				KHMT	45 LT + 30 TH
23	CQ2023/24	23_24	CSC17106	Xử lý phân tích dữ liệu trực tuyến			cs2-KĐT ĐHQG	T6 1-4				HTTT	45 LT + 30 TH
24	CQ2023/24	23_24	CSC17107	Ứng dụng phân tích dữ liệu thông minh			cs2-KĐT ĐHQG	T7 6-9				KHMT	45 LT + 30 TH
25	CQ2023/3	23_3	CSC13003	Kiểm thử phần mềm			cs2-KĐT ĐHQG	T4 7-10				CNPM	45 LT + 30 TH
26	CQ2023/3	23_3	CSC13006	Quản lý dự án phần mềm			cs2-KĐT ĐHQG	T3 7-10				CNPM	45 LT + 30 TH
27	CQ2023/3	23_3	CSC13007	Phát triển game			cs2-KĐT ĐHQG	T6 6-9				CNPM	45 LT + 30 TH
28	CQ2023/3	23_3	CSC13103	Nhập môn hệ thống phân tán			cs2-KĐT ĐHQG	T5 6-9				CNPM	45 LT + 30 TH
29	CQ2023/3	23_3	CSC13106	Kiến trúc phần mềm			cs2-KĐT ĐHQG	T2 2-5				CNPM	45 LT + 30 TH
30	CQ2023/3	23_3	CSC13107	Mẫu thiết kế hướng đối tượng và ứng dụng			cs2-KĐT ĐHQG	T2 6-9				CNPM	45 LT + 30 TH
31	CQ2023/3	23_3	CSC13112	Thiết kế giao diện			cs2-KĐT ĐHQG	T4 2-5				CNPM	45 LT + 30 TH
32	CQ2023/3	23_3	CSC13114	Phát triển ứng dụng web nâng cao			cs2-KĐT ĐHQG	T5 2-5				CNPM	45 LT + 30 TH
33	CQ2023/3	23_3	CSC13118	Phát triển ứng dụng cho thiết bị di động nâng cao			cs2-KĐT ĐHQG	T6 1-4				CNPM	45 LT + 30 TH
34	CQ2023/31	23_31	CSC13003	Kiểm thử phần mềm			cs2-KĐT ĐHQG	T2 6-9				CNPM	45 LT + 30 TH
35	CQ2023/31	23_31	CSC13106	Kiến trúc phần mềm			cs2-KĐT ĐHQG	T5 7-10				CNPM	45 LT + 30 TH
36	CQ2023/4	23_4	CSC11112	Chuyên đề Hệ thống phân tán			cs2-KĐT ĐHQG	T3 1-4				MMT	45 LT + 30 TH
37	CQ2023/4	23_4	CSC11116	DevOps nâng cao			cs2-KĐT ĐHQG	T7 6-9				MMT	45 LT + 30 TH
38	CQ2023/4	23_4	CSC11118	Triển khai và vận hành điện toán đám mây			cs2-KĐT ĐHQG	T2 2-5				MMT	45 LT + 30 TH
39	CQ2023/4	23_4	CSC11119	Chuyên đề phân tích mạng			cs2-KĐT ĐHQG	T2 6-9				MMT	45 LT + 30 TH
40	CQ2023/5	23_5	CSC10102	Kiến tập nghề nghiệp			cs2-KĐT ĐHQG	T7 3-5				BCNK	15 LT + 30 TH
41	CQ2023/5	23_5	CSC10104	Quy hoạch tuyến tính			cs2-KĐT ĐHQG	T3 6-9				BCNK	45 LT + 30 TH
42	CNTN2023	23TN	CSC10107	Thực tập thực tế			cs1-227 NVC	T2 4-6				BCNK	30 LT + 60 TH
43	CNTN2023	23TN	CSC13003	Kiểm thử phần mềm			cs1-227 NVC	T4 4-6				CNPM	45 LT + 30 TH
44	CNTN2023	23TN	CSC13007	Phát triển game			cs1-227 NVC	T3 4-6				CNPM	45 LT + 30 TH

STT	Lớp	Mã Lớp PDT	Mã HP	Tên HP	GV Lý thuyết	GV Trợ giảng	Cơ sở	Lịch học	Phòng học	Số SV ĐKHP	Hủy	BMQL	Số tiết
45	TTNT2023	23TNT	CSC18001	Nhập môn học sâu			cs2-KĐT ĐHQG	T7 1-4				KHMT	45 LT + 30 TH
46	TTNT2023	23TNT	CSC18101	Trí tuệ nhân tạo cho an ninh thông tin			cs2-KĐT ĐHQG	T4 6-9				KHMT	45 LT + 30 TH
47	TTNT2023	23TNT	CSC18105	Trí tuệ nhân tạo ứng dụng			cs2-KĐT ĐHQG	T6 6-9				KHMT	45 LT + 30 TH
48	CQ2024/1	24_1	CSC10007	Hệ điều hành			cs2-KĐT ĐHQG	T7 1-4				MMT	45 LT + 30 TH
49	CQ2024/1	24_1	CSC12002	Cơ sở dữ liệu nâng cao			cs2-KĐT ĐHQG	T2 1-4				HTTT	45 LT + 30 TH
50	CQ2024/1	24_1	CSC12003	Hệ quản trị cơ sở dữ liệu			cs2-KĐT ĐHQG	T3 3-5				HTTT	45 LT + 30 TH
51	CQ2024/1	24_1	CSC13002	Nhập môn công nghệ phần mềm			cs2-KĐT ĐHQG	T6 1-4				CNPM	45 LT + 30 TH
52	CQ2024/11	24_11	CSC12002	Cơ sở dữ liệu nâng cao			cs2-KĐT ĐHQG	T4 1-4				HTTT	45 LT + 30 TH
53	CQ2024/11	24_11	CSC12003	Hệ quản trị cơ sở dữ liệu			cs2-KĐT ĐHQG	T2 2-5				HTTT	45 LT + 30 TH
54	CQ2024/21	24_21	CSC10007	Hệ điều hành			cs2-KĐT ĐHQG	T5 2-5				MMT	45 LT + 30 TH
55	CQ2024/21	24_21	CSC14003	Cơ sở trí tuệ nhân tạo			cs2-KĐT ĐHQG	T4 1-4				KHMT	45 LT + 30 TH
56	CQ2024/21	24_21	CSC14111	Nhập môn thiết kế và phân tích giải thuật			cs2-KĐT ĐHQG	T4 7-10				KHMT	45 LT + 30 TH
57	CQ2024/21	24_21	CSC17104	Lập trình cho khoa học dữ liệu			cs2-KĐT ĐHQG	T5 6-9				KHMT	45 LT + 30 TH
58	CQ2024/22	24_22	CSC10007	Hệ điều hành			cs2-KĐT ĐHQG	T7 6-9				MMT	45 LT + 30 TH
59	CQ2024/22	24_22	CSC14003	Cơ sở trí tuệ nhân tạo			cs2-KĐT ĐHQG	T3 6-9				KHMT	45 LT + 30 TH
60	CQ2024/22	24_22	CSC14007	Nhập môn phân tích độ phức tạp thuật toán			cs2-KĐT ĐHQG	T3 1-4				CNTT	45 LT + 30 TH
61	CQ2024/22	24_22	CSC15005	Nhập môn mã hóa – mật mã			cs2-KĐT ĐHQG	T7 2-5				CNTT	45 LT + 30 TH
62	CQ2024/22	24_22	CSC15006	Nhập môn xử lý ngôn ngữ tự nhiên			cs2-KĐT ĐHQG	T2 1-4				CNTT	45 LT + 30 TH
63	CQ2024/22	24_22	CSC15109	Nhập môn tính toán lượng tử			cs2-KĐT ĐHQG	T5 1-4				CNTT	45 LT + 30 TH
64	CQ2024/23	24_23	CSC10007	Hệ điều hành			cs2-KĐT ĐHQG	T7 1-4				MMT	45 LT + 30 TH
65	CQ2024/23	24_23	CSC14003	Cơ sở trí tuệ nhân tạo			cs2-KĐT ĐHQG	T3 6-9				KHMT	45 LT + 30 TH
66	CQ2024/23	24_23	CSC16001	Đồ họa máy tính			cs2-KĐT ĐHQG	T2 1-4				TGMT	45 LT + 30 TH
67	CQ2024/23	24_23	CSC16005	Xử lý ảnh số và video số			cs2-KĐT ĐHQG	T3 1-4				TGMT	45 LT + 30 TH
68	CQ2024/24	24_24	CSC14119	Nhập môn khoa học dữ liệu			cs2-KĐT ĐHQG	T6 1-4				KHMT	45 LT + 30 TH
69	CQ2024/24	24_24	CSC17104	Lập trình cho khoa học dữ liệu			cs2-KĐT ĐHQG	T5 1-4				KHMT	45 LT + 30 TH
70	CQ2024/25	24_25	CSC15006	Nhập môn xử lý ngôn ngữ tự nhiên			cs2-KĐT ĐHQG	T3 1-4				CNTT	45 LT + 30 TH

STT	Lớp	Mã Lớp PDT	Mã HP	Tên HP	GV Lý thuyết	GV Trợ giảng	Cơ sở	Lịch học	Phòng học	Số SV ĐKHP	Hủy	BMQL	Số tiết
71	CQ2024/3	24_3	CSC10007	Hệ điều hành			cs2-KĐT ĐHQG	T7 6-9				MMT	45 LT + 30 TH
72	CQ2024/3	24_3	CSC13001	Lập trình Windows			cs2-KĐT ĐHQG	T7 1-4				CNPM	45 LT + 30 TH
73	CQ2024/3	24_3	CSC13002	Nhập môn công nghệ phần mềm			cs2-KĐT ĐHQG	T3 2-5				CNPM	45 LT + 30 TH
74	CQ2024/3	24_3	CSC13008	Phát triển ứng dụng web			cs2-KĐT ĐHQG	T5 1-4				CNPM	45 LT + 30 TH
75	CQ2024/3	24_3	CSC13009	Phát triển phần mềm cho thiết bị di động			cs2-KĐT ĐHQG	T6 2-5				CNPM	45 LT + 30 TH
76	CQ2024/31	24_31	CSC13001	Lập trình Windows			cs2-KĐT ĐHQG	T2 1-4				CNPM	45 LT + 30 TH
77	CQ2024/31	24_31	CSC13002	Nhập môn công nghệ phần mềm			cs2-KĐT ĐHQG	T7 1-4				CNPM	45 LT + 30 TH
78	CQ2024/31	24_31	CSC13008	Phát triển ứng dụng web			cs2-KĐT ĐHQG	T5 6-9				CNPM	45 LT + 30 TH
79	CQ2024/31	24_31	CSC13009	Phát triển phần mềm cho thiết bị di động			cs2-KĐT ĐHQG	T5 1-4				CNPM	45 LT + 30 TH
80	CQ2024/4	24_4	CSC10007	Hệ điều hành			cs2-KĐT ĐHQG	T3 1-4				MMT	45 LT + 30 TH
81	CQ2024/4	24_4	CSC11004	Mạng máy tính nâng cao			cs2-KĐT ĐHQG	T5 2-5				MMT	45 LT + 30 TH
82	CQ2024/4	24_4	CSC11117	Hệ điều hành Linux và ứng dụng			cs2-KĐT ĐHQG	T7 1-4				MMT	45 LT + 30 TH
83	CQ2024/4	24_4	CSC13002	Nhập môn công nghệ phần mềm			cs2-KĐT ĐHQG	T6 6-9				CNPM	45 LT + 30 TH
84	CQ2024/5	24_5	CSC10003	Phương pháp lập trình hướng đối tượng			cs2-KĐT ĐHQG	T5 6-9				CNPM	45 LT + 30 TH
85	CQ2024/5	24_5	CSC10006	Cơ sở dữ liệu			cs2-KĐT ĐHQG	T2 6-9				HTTT	45 LT + 30 TH
86	CQ2024/5	24_5	CSC10009	Hệ thống máy tính			cs2-KĐT ĐHQG	T6 6-9				MMT	30 LT + 0 TH
87	CQ2024/5	24_5	CSC10014	Tư duy tính toán			cs2-KĐT ĐHQG	T3 1-4				BCNK	45 LT + 30 TH
88	CQ2024/5	24_5	CSC10105	Nhập môn tư duy thuật toán			cs2-KĐT ĐHQG	T4 6-9				BCNK	45 LT + 30 TH
89	CNTN2024	24TN	CSC10007	Hệ điều hành			cs1-227 NVC	T4 1-3				MMT	45 LT + 30 TH
90	CNTN2024	24TN	CSC10105	Nhập môn tư duy thuật toán			cs1-227 NVC	T3 10-12				BCNK	45 LT + 30 TH
91	CNTN2024	24TN	CSC13002	Nhập môn công nghệ phần mềm			cs1-227 NVC	T6 1-3				CNPM	45 LT + 30 TH
92	CNTN2024	24TN	CSC13009	Phát triển phần mềm cho thiết bị di động			cs1-227 NVC	T4 4-6				CNPM	45 LT + 30 TH
93	CNTN2024	24TN	CSC14003	Cơ sở trí tuệ nhân tạo			cs1-227 NVC	T2 4-6				KHMT	45 LT + 30 TH
94	CNTN2024	24TN	CSC14008	Phương pháp nghiên cứu khoa học			cs1-227 NVC	CN 3-6				KHMT	45 LT + 30 TH
95	CNTN2024	24TN	CSC15005	Nhập môn mã hóa – mật mã			cs1-227 NVC	T7 1-3				CNTT	45 LT + 30 TH
96	CNTN2024	24TN	CSC16001	Đồ họa máy tính			cs1-227 NVC	T3 7-9				TGMT	45 LT + 30 TH

STT	Lớp	Mã Lớp PDT	Mã HP	Tên HP	GV Lý thuyết	GV Trợ giảng	Cơ sở	Lịch học	Phòng học	Số SV ĐKHP	Hủy	BMQL	Số tiết
97	TTNT2024	24TNT	CSC10007	Hệ điều hành			cs2-KĐT ĐHQG	T4 6-9				MMT	45 LT + 30 TH
98	TTNT2024	24TNT	CSC14003	Cơ sở trí tuệ nhân tạo			cs2-KĐT ĐHQG	T6 1-4				KHMT	45 LT + 30 TH
99	TTNT2024	24TNT	CSC14005	Nhập môn học máy			cs2-KĐT ĐHQG	T3 1-4				KHMT	45 LT + 30 TH
100	CQ2025/1	25CTT1	CSC10003	Phương pháp lập trình hướng đối tượng			cs2-KĐT ĐHQG	T3 1-4				CNPM	45 LT + 30 TH
101	CQ2025/1	25CTT1	CSC10008	Mạng máy tính			cs2-KĐT ĐHQG	T3 6-9				MMT	45 LT + 30 TH
102	CQ2025/1	25CTT1	MTH00050	Toán học tổ hợp			cs2-KĐT ĐHQG	T4 1-4				BCNK	45 LT + 30 TH
103	CNTN2025	25CTT1TN	CSC10003	Phương pháp lập trình hướng đối tượng			cs2-KĐT ĐHQG	T6 6-9				CNPM	45 LT + 30 TH
104	CNTN2025	25CTT1TN	CSC10008	Mạng máy tính			cs2-KĐT ĐHQG	T4 6-9				MMT	45 LT + 30 TH
105	CQ2025/2	25CTT2	CSC10003	Phương pháp lập trình hướng đối tượng			cs2-KĐT ĐHQG	T7 6-9				CNPM	45 LT + 30 TH
106	CQ2025/2	25CTT2	CSC10008	Mạng máy tính			cs2-KĐT ĐHQG	T4 6-9				MMT	45 LT + 30 TH
107	CQ2025/2	25CTT2	MTH00050	Toán học tổ hợp			cs2-KĐT ĐHQG	T5 1-4				BCNK	45 LT + 30 TH
108	CQ2025/3	25CTT3	CSC10003	Phương pháp lập trình hướng đối tượng			cs2-KĐT ĐHQG	T5 2-5				CNPM	45 LT + 30 TH
109	CQ2025/3	25CTT3	CSC10008	Mạng máy tính			cs2-KĐT ĐHQG	T7 6-9				MMT	45 LT + 30 TH
110	CQ2025/3	25CTT3	MTH00050	Toán học tổ hợp			cs2-KĐT ĐHQG	T4 6-9				BCNK	45 LT + 30 TH
111	CQ2025/4	25CTT4	CSC10003	Phương pháp lập trình hướng đối tượng			cs2-KĐT ĐHQG	T4 6-9				CNPM	45 LT + 30 TH
112	CQ2025/4	25CTT4	CSC10008	Mạng máy tính			cs2-KĐT ĐHQG	T7 1-4				MMT	45 LT + 30 TH
113	CQ2025/4	25CTT4	MTH00050	Toán học tổ hợp			cs2-KĐT ĐHQG	T4 2-5				BCNK	45 LT + 30 TH
114	CQ2025/5	25CTT5	CSC10003	Phương pháp lập trình hướng đối tượng			cs2-KĐT ĐHQG	T7 1-4				CNPM	45 LT + 30 TH
115	CQ2025/5	25CTT5	CSC10008	Mạng máy tính			cs2-KĐT ĐHQG	T7 6-9				MMT	45 LT + 30 TH
116	CQ2025/5	25CTT5	MTH00050	Toán học tổ hợp			cs2-KĐT ĐHQG	T5 1-4				BCNK	45 LT + 30 TH
117	CQ2025/6	25CTT6	CSC10003	Phương pháp lập trình hướng đối tượng			cs2-KĐT ĐHQG	T4 6-9				CNPM	45 LT + 30 TH
118	CQ2025/6	25CTT6	CSC10008	Mạng máy tính			cs2-KĐT ĐHQG	T7 1-4				MMT	45 LT + 30 TH
119	CQ2025/6	25CTT6	MTH00050	Toán học tổ hợp			cs2-KĐT ĐHQG	T5 6-9				BCNK	45 LT + 30 TH
120	CQ2025/7	25CTT7	CSC10004	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật			cs2-KĐT ĐHQG	T6 2-5				KHMT-CNTT	45 LT + 30 TH
121	TTNT2025/1	25TNT1	CSC10003	Phương pháp lập trình hướng đối tượng			cs1-227 NVC	T5 1-3				CNPM	45 LT + 30 TH
122	TTNT2025/1	25TNT1	CSC10008	Mạng máy tính			cs1-227 NVC	T5 4-6				MMT	45 LT + 30 TH
123	TTNT2025/1	25TNT1	CSC14003	Cơ sở trí tuệ nhân tạo			cs1-227 NVC	T3 4-6				KHMT	45 LT + 30 TH
124	TTNT2025/1	25TNT1	MTH00050	Toán học tổ hợp			cs1-227 NVC	T2 6-9				BCNK	45 LT + 30 TH
125	TTNT2025/2	25TNT2	CSC10003	Phương pháp lập trình hướng đối tượng			cs1-227 NVC	T4 1-3				CNPM	45 LT + 30 TH
126	TTNT2025/2	25TNT2	CSC10008	Mạng máy tính			cs1-227 NVC	T6 4-6				MMT	45 LT + 30 TH
127	TTNT2025/2	25TNT2	CSC14003	Cơ sở trí tuệ nhân tạo			cs1-227 NVC	T3 7-9				KHMT	45 LT + 30 TH

STT	Lớp	Mã Lớp PDT	Mã HP	Tên HP	GV Lý thuyết	GV Trợ giảng	Cơ sở	Lịch học	Phòng học	Số SV ĐKHP	Hủy	BMQL	Số tiết
128	TTNT2025/2	25TNT2	MTH00050	Toán học tổ hợp			cs1-227 NVC	T4 4-6				BCNK	45 LT + 30 TH
129	CQ2026/1	26CTT1	CSC00004	Nhập môn công nghệ thông tin			cs2-KĐT ĐHQG	T6 2-5				BCNK	45 LT + 30 TH
130	CQ2026/1	26CTT1	CSC10012	Cơ sở lập trình			cs2-KĐT ĐHQG	T2 2-5				BCNK	45 LT + 30 TH
131	CNTN2026	26CTT1TN	CSC00004	Nhập môn công nghệ thông tin			cs2-KĐT ĐHQG	T5 2-5				BCNK	45 LT + 30 TH
132	CNTN2026	26CTT1TN	CSC10012	Cơ sở lập trình			cs2-KĐT ĐHQG	T3 6-9				BCNK	45 LT + 30 TH
133	CQ2026/2	26CTT2	CSC00004	Nhập môn công nghệ thông tin			cs2-KĐT ĐHQG	T7 1-4				BCNK	45 LT + 30 TH
134	CQ2026/2	26CTT2	CSC10012	Cơ sở lập trình			cs2-KĐT ĐHQG	T4 6-9				BCNK	45 LT + 30 TH
135	CQ2026/3	26CTT3	CSC00004	Nhập môn công nghệ thông tin			cs2-KĐT ĐHQG	T4 1-4				BCNK	45 LT + 30 TH
136	CQ2026/3	26CTT3	CSC10012	Cơ sở lập trình			cs2-KĐT ĐHQG	T2 6-9				BCNK	45 LT + 30 TH
137	CQ2026/4	26CTT4	CSC00004	Nhập môn công nghệ thông tin			cs2-KĐT ĐHQG	T4 3-5				BCNK	45 LT + 30 TH
138	CQ2026/4	26CTT4	CSC10012	Cơ sở lập trình			cs2-KĐT ĐHQG	T5 2-5				BCNK	45 LT + 30 TH
139	CQ2026/5	26CTT5	CSC00004	Nhập môn công nghệ thông tin			cs2-KĐT ĐHQG	T5 6-9				BCNK	45 LT + 30 TH
140	CQ2026/5	26CTT5	CSC10012	Cơ sở lập trình			cs2-KĐT ĐHQG	T4 2-5				BCNK	45 LT + 30 TH
141	CQ2026/6	26CTT6	CSC00004	Nhập môn công nghệ thông tin			cs2-KĐT ĐHQG	T7 1-4				BCNK	45 LT + 30 TH
142	CQ2026/6	26CTT6	CSC10012	Cơ sở lập trình			cs2-KĐT ĐHQG	T5 6-9				BCNK	45 LT + 30 TH
143	TTNT2026/1	26TNT1	CSC00009	Giới thiệu ngành Trí tuệ nhân tạo			cs1-227 NVC	T3 4-6				KHMT	45 LT + 30 TH
144	TTNT2026/1	26TNT1	CSC10013	Cơ sở lập trình cho trí tuệ nhân tạo			cs1-227 NVC	T6 7-9				BCNK	45 LT + 30 TH
145	TTNT2026/2	26TNT2	CSC00009	Giới thiệu ngành Trí tuệ nhân tạo			cs1-227 NVC	T2 7-9				KHMT	45 LT + 30 TH
146	TTNT2026/2	26TNT2	CSC10013	Cơ sở lập trình cho trí tuệ nhân tạo			cs1-227 NVC	T6 1-3				BCNK	45 LT + 30 TH